

## 1.Quản trị

- . Khi người ta nhận thức thực chất, người ta muốn làm thì người ta sẽ làm
- . Vấn đề đầu tiên : Đặt vấn đề - Quản trị là gì ?
  - . Đặt vấn đề mang tính khái niệm, tính nội hàm, tính ý nghĩa mà khi giải thích được thì mình sẽ thành công
  - . Quản trị Là tập hợp các giải pháp để đạt được mục tiêu với trên nguồn lực hữu hạn
  - . Đặc trưng của nguồn lực là hữu hạn, nhiệm vụ cuộc đời là sử dụng nó để đạt được mục tiêu tối đa so với nguồn lực
  - . Bản chất tâm lý con người là hướng đến cái tôi
  - . Mục tiêu được đặt ra phải dựa trên nguồn lực
- . Bốn phương pháp quản trị
  - . Chiến lược ->yếu tố quyết định, 3 vai trò dưới hỗ trợ thực hiện chiến lược trên
  - . Tổ chức
  - . Lãnh đạo
  - . Kỷ luật - Tuân thủ - Kiểm tra
- . Quản trị cuộc đời
  - . Lập chiến lược
    - . Định vị bản thân
    - . Xác lập mục tiêu cuộc đời
  - . Thực hiện chiến lược
    - . Tổ chức cuộc sống
    - . Rèn luyện các kỹ năng
      - . Khen/chê
      - . Nghe
      - . Ăn mặc phi ngôn ngữ
      - . Làm việc nhóm
      - . Thương lượng
      - . Lập kế hoạch
      - . Lấy tự tin

- . Kết bạn
- . Ra quyết định
- . Hệ thống tuân thủ
- . Việc cần làm
  - . Xác định mình là ai - định vị
  - . Xác định đúng mục đích, mục tiêu, cách đánh - chiến lược
  - . Thực hiện nó

## **2.Quản trị cuộc đời**

- . Trong nền kinh tế chia làm 3 chủ thể
  - . Chủ thể nhà nước
    - . Ngắn hạn tháo gỡ
    - . Trung hạn tái cấu trúc
    - . Dài hạn đột phá
  - . Chủ thể doanh nghiệp
    - . Nâng năng lực quản trị
    - . Chiến lược đường đi
  - . Chủ thể cá nhân
    - . Đi kèm với chữ gia đình
    - . Quản trị theo tinh thần công dân toàn cầu

## **3.Ý niệm về chiến lược cuộc đời**

- . Việc gì cũng làm đều đều là thua
- . Không thể đến đích được nếu còn tư duy không chiến lược
- . Chiến lược cuộc đời - thành tố đầu tiên của quy trình quản trị cuộc đời
  - . Hệ thống quyết định hành vi trong từng giai đoạn
  - . Hệ thống quyết định hướng đi trong từng giai đoạn
  - . Hệ thống quyết định cách thức trong từng giai đoạn
- > Nội hàm của chiến lược

## **4.Định vị bản thân**

- . không ai hướng nghiệp được chủ thể ngoài chính chủ thể do chỉ chủ thể mới biết rõ nguồn lực bản thân

- . Mục tiêu dựa trên nguồn lực

- . Định vị bản thân

- . Năng lực

- . Kiến thức

- . Trình độ

- . Bằng cấp

- . Chuyên môn

- // Kiến thức 85% nằm ngoài chuyên môn hệ

- . Kỹ năng

- . Kinh nghiệm

- . Thái độ

- // 85% năng lực dựa vào thái độ

- . hợp tác

- . trung thực

- . động cơ hành động

- . ý chí

- . trung thành

- . làm việc nhóm

- . chăm chỉ

- . đàng hoàng

- . độ lì đòn

- . Sở trường

- . sở trường là cái mạnh nhất

- . lợi thế cạnh tranh trong năng lực

- . Đam mê

- . Thành công mới tạo ra đam mê, rồi từ đó đam mê tạo thành công rồi tuần hoàn

- . Cách định vị năng lực

- . Nhận phản hồi từ xung quanh
- . Nhanh nhất là 2 năm
- . tổng hợp các nhận xét về bản thân cả tốt và xấu, tổng hợp các hành vi của bản thân

## **5.Ấn định mục tiêu**

- . Mục tiêu cuộc đời phụ thuộc hệ giá trị các nhân của người đó
  - . Niềm tin
  - . Nhân sinh quan
- > Tôn trọng hệ giá trị cá nhân của người khác, không áp đặt hệ quy chiếu của mình vào người khác

- . Mục tiêu - Hạnh phúc
  - . Sức khỏe
    - . Não chiếm 3/4
    - . Cơ bắp
  - . Gia đình
    - . Gia đình nhỏ - vợ chồng
    - . Gia đình đại - họ hàng hai bên
  - . Sự nghiệp
    - . Hòa bão - bản thân
    - . Sứ mạng - cộng đồng
  - . Bạn bè
    - . Bạn là chính mình
    - . Bạn là tri kỷ
    - . Bạn là nhóm bạn

## **6.4 Chiến lược định vị mục tiêu**

- . Ma trận SWOT
  - . Thuận lợi + thế mạnh
    - . Tấn công dồn dập
    - . Tập trung nguồn lực
  - . Nghịch hướng + thế mạnh

- . Đa dạng hóa nguồn lực
- . Thuận lợi + thế yếu
- . Dùng yếu tố thái độ - ngoan ngoãn/hầu hạ
- . Tầm gửi - phụ thuộc dòng mạnh
- . Nghịch yếu
- . Nâng cao năng lực liên tục
- . Phòng thủ - giảm phí
- . Thực hiện
- . Tổ chức cuộc sống
- . Thực hiện kỹ năng
- . Giữ được phong độ
- . Kỷ luật - mỗi ngày tiếp thu 1 kiến thức mới

## **7.Xác định đúng sở trường**

- . Lựa chọn quan trọng hơn cố gắng
- . Đưa mình vào lĩnh vực mà mình mạnh/vùng sở trường
- . Đam mê
- . Sở trường
- . Hiệu suất/1 giờ làm việc
- . Có lộ trình rất rõ -> chiến lược

## **8.Loại bỏ tật xấu**

- . Các tật xấu
- . Khi giỏi 1 lĩnh vực tự cho mình giỏi tất cả các lĩnh vực khác
- . Ứng xử láo
- . Thích gì làm nấy
- . Cổ đấm ăn xôi
- . Tham thì thâm
- . Thất bại là bỏ
- > Mỗi lần ngã là 1 ông thầy xuất hiện

- . Thật thà mù quáng
- . Rất cần cù nhưng dễ bằng lòng
- . Rất ham học nhưng cái gì cũng học
  - > Mất kiến thức cơ bản
- . Thông minh nhưng toàn dùng thông minh để đối phó
- . Khôn khéo mà cực kỳ hời hợt
- . Thích tụ tập nhưng không hợp tác
- . Tiết kiệm đến mức bần tiện mà hoang phí cho sỹ diện
- . Rất khó hiểu vì ít trải lòng

### **9. Tận dụng 5 người thầy**

- . Những người thầy
  - . Thầy trên bục
    - . Càng lúc càng giảm giá trị
  - . Chính mình
    - . Mỗi lần ngã ngựa là 1 ông thầy xuất hiện
- . Những người xung quanh
  - . Môi trường tạo thói quen, thói quen tạo con người
  - . Loài người vẫn có thói quen bầy đàn
- . Thần tượng
  - . Có hình tượng để định hướng
- . Sách và Internet
  - . Những người khổng lồ đều viết sách
- . Kiến thức được khơi lên từ sự tò mò và được kiến tạo bằng sự tìm tòi học hỏi

### **10. Quản trị thời gian**

- . Quản trị thời gian là quản trị chính mình
- . Đánh giá việc theo tính quan trọng và tính khẩn cấp
  - . Quan trọng và khẩn cấp
  - . Mang tính đến hạn

- . Cần hạn chế tối đa bằng cách hoàn thiện trước các việc quan trọng và khẩn cấp
- . Quan trọng và không khẩn cấp
  - . Nhóm việc có tính chiến lược
  - . Mang tính mục tiêu
- . Không quan trọng và khẩn cấp
  - . những việc được ủy quyền
- . Không quan trọng và không khẩn cấp
  - . Nhóm việc sinh hoạt, chỉ nên chiếm tối đa 20% thời gian.
  - . Mang tính chất phần thưởng chọn các hoạt động ở trên

## **11. Lên kịch bản**

- . Lên kịch bản và xử lý kịch bản bằng
  - . Tự diễn tập trong suy nghĩ
  - . Diễn tập trong thực tế
  - . Tạo ra những phương án cụ thể
- > để không bất ngờ trước các trường hợp sẽ xảy ra
- . Càng lên kế hoạch kỹ thì lúc xử lý càng tốt
- . Kẻ thù thời gian
  - . Điện thoại di động
  - . Quá nhiều
  - . Tình cầu toàn
  - . Việc hôm nay để ngày mai
  - . Ngủ quá nhiều
  - . Không biết nói không
  - . Nhiều mqh không giá trị